



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106507713 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/04/2014, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017.

Vốn điều lệ: 700.000.000.000 VND.

Vốn thực góp: 640.747.217.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 64.074.722 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch HĐQT
Bà Thái Thị Ý	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thái Hưng	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Lương Ngọc Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Hình	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khánh Quyền	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
Ông Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật
Ông Nguyễn Khắc Tiệp	Phó Tổng Giám đốc phụ trách vận hành

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Thái Hưng - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2018 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mê Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Thái Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Số: 129/2019/BCKTHN-PB.00106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

109
RÁI
AF
C
F

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		431.976.317.773	296.525.396.250
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.817.250.872	22.268.149.334
1. Tiền	111		6.817.250.872	21.624.536.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	643.613.020
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.10	100.077.585.000	5.579.060.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		86.864.181	5.586.864.181
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(9.279.181)	(7.804.181)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.000.000.000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323.513.820.652	265.700.882.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	63.334.111.093	55.841.964.491
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	14.014.158.401	13.708.901.304
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	35.940.590.191	114.057.530.973
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	210.210.320.622	83.075.845.596
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(70.000.000)	(1.068.000.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		84.640.345	84.640.345
IV/ Hàng tồn kho	140		752.444.038	1.647.060.160
1. Hàng tồn kho	141	5.6	752.444.038	1.647.060.160
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		815.217.211	1.330.244.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	102.716.868	1.275.640.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		658.678.855	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		53.821.488	54.604.000
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.277.930.923.269	1.344.474.563.241
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		2.309.860.418	774.542.245
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.309.860.418	774.542.245
II/ Tài sản cố định	220		1.204.957.659.842	1.272.922.903.370
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	1.185.133.733.981	1.270.525.821.805
- Nguyên giá	222		1.545.422.468.799	1.543.597.398.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(360.288.734.818)	(273.071.576.448)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	18.049.755.618	-
- Nguyên giá	225		19.418.181.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.368.426.200)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	1.774.170.243	2.397.081.565
- Nguyên giá	228		3.878.286.916	3.878.286.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.104.116.673)	(1.481.205.351)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		7.993.220.069	1.487.727.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	7.993.220.069	1.487.727.727
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		62.670.182.940	69.289.389.899
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	13.235.543.052	12.830.300.563
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		366.787.248	381.543.462
3. Lợi thế thương mại	269	5.9	49.067.852.640	56.077.545.874
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.709.907.241.042	1.640.999.959.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		785.793.203.435	719.874.620.416
I/ Nợ ngắn hạn	310		329.294.071.342	275.871.834.068
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	44.571.538.533	59.135.348.855
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	9.835.893
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	13.386.992.862	7.514.111.926
4. Phải trả người lao động	314		4.392.523.655	4.002.967.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	11.071.285.020	8.467.327.160
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	80.779.979.631	89.301.903.812
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	170.523.292.133	104.421.792.537
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.568.459.508	3.018.546.043
II/ Nợ dài hạn	330		456.499.132.093	444.002.786.348
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	1.358.999.761	3.390.556.786
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	455.117.438.245	440.562.862.993
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		22.694.087	49.366.569
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		924.114.037.607	921.125.339.075
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	924.114.037.607	921.125.339.075
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		640.747.217.000	640.247.217.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		640.747.217.000	640.247.217.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.075.415.244	17.285.108.010
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.230.217.493	50.537.775.343
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.274.569.113	(12.508.227.195)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.955.648.380	63.046.002.538
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		437.480.822	393.713.491
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		191.623.707.049	212.661.525.231
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.709.907.241.042	1.640.999.959.491



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Mai Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	270.790.681.643	192.903.747.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270.790.681.643	192.903.747.684
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	136.780.834.512	91.851.384.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134.009.847.131	101.052.363.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.364.361.768	16.160.462.392
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.894.725.462	42.249.624.761
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.577.353.379	41.897.408.780
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	7.014.877.846
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	22.522.000.222	20.602.767.086
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.957.483.215	61.375.311.580
12. Thu nhập khác	31	6.6	5.794.571.169	8.577.007.534
13. Chi phí khác	32	6.7	6.301.024.384	10.062.600.296
14. Lợi nhuận khác	40		(506.453.215)	(1.485.592.762)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.451.030.000	59.889.718.818
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.649.519.148	4.438.712.620
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.916.269)	(444.965.819)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.813.427.121	55.895.972.017
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		38.307.961.445	41.190.925.169
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		21.505.465.676	14.705.046.848
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	598	770
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	598	770



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Mai Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.451.030.000	59.889.718.818
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	96.387.633.570	71.967.126.915
- Các khoản dự phòng	03	(996.525.000)	(361.320.172)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(24.204)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.364.361.768)	(2.244.916.151)
- Chi phí lãi vay	06	49.577.353.379	41.897.408.780
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	206.055.130.181	171.147.993.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(125.904.908.487)	(167.827.093.667)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	894.616.122	(2.054.541.314)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(16.903.505.972)	202.806.239.140
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	767.680.690	(22.441.903.517)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(49.004.952.544)	(42.759.501.401)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(3.007.178.739)	(2.644.547.307)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.896.881.251	136.226.645.920
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.311.868.660)	(65.903.959.560)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	6.600.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(137.140.590.191)	(82.129.609.372)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	120.757.530.973	38.940.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(47.123.329.125)	(212.674.362.690)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	541.019.993	1.889.658.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(94.277.237.010)	(313.278.273.582)

S E N H N J I J A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	MS	Năm 2018	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	500.000.000		271.107.217.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	256.905.074.793		515.047.804.660
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(174.524.408.539)		(591.248.577.834)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(686.855.557)		-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.264.353.400)		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.929.457.297		194.906.443.826
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(15.450.898.462)		17.854.816.164
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.268.149.334		4.413.308.966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-		24.204
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.817.250.872		22.268.149.334



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Mai Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106507713 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/04/2014, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2 là 700.000.000.000 VND, vốn thực góp đến ngày 31/12/2018 là 640.747.217.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị bề mặt liên quan;
- Các công việc dưới bề mặt;
- Xây dựng bể bơi ngoài trời;
- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà;
- Thuê cần trục có người điều khiển;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu; Các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như;
- Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và các chất phụ gia khác;
- Đá quý, bột thạch anh, mica;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng cáo và tổ chức tua du lịch;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2018, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Prime Quế Phong	2901122913	160.000.000.000	Khối 1, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	65%
Công ty CP Phát triển điện lực, viễn thông Miền Trung	2900836672	6.860.000.000	Thôn Bản Cánh, xã Tà Cạ, huyện Từ Sơn, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	89,19%
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	2900840742	200.000.000.000	Thôn Bản Cánh, xã Tà Cạ, huyện Từ Sơn, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	70%
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	2900687702	185.831.000.000	Khối 8, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	85,52%
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va (i)	2901649146	15.627.000.000	Bản Đồn Cón, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	85,52%
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Trung Sơn	0108155672	30.000.000.000	Tầng 8, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh - xuất nhập khẩu	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con) được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: Khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: Khoản đầu tư còn lại được trình bày theo phương pháp giá gốc và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi, thị trường không có giá đóng cửa thì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc xây dựng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 05 năm.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi thế kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu và được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính: đối với chương trình phần mềm là 05 năm; đối với giấy phép nhượng quyền - quyền chuyển nhượng mỏ đá là 05 năm; đối với tài sản vô hình khác là 06 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí bảo hiểm máy xây dựng

Các chi phí bảo hiểm máy xây dựng phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian mua bảo hiểm là 04 năm.

Chi phí giải phóng mặt bằng

Là các khoản chi phí hỗ trợ chính sách đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Châu Thắng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 20 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Là chi phí sửa chữa công trình thủy điện Bản Cốc được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian hoạt động của dự án.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho thuê tài chính, từng hợp đồng cho thuê tài chính và kỳ hạn phải trả của các khoản nợ gốc, nợ lãi thuê tài chính.

4.13 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.503.282.027	8.923.150.809
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.313.968.845	12.701.385.505
Các khoản tương đương tiền	-	643.613.020
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	643.613.020
Cộng	6.817.250.872	22.268.149.334

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	5.931.522.341	-	-	-
Công ty CP Prime Trung Tín	5.781.522.341	-	-	-
Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	150.000.000	-	-	-
Các bên khác	57.402.588.752	-	55.841.964.491	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	21.421.526.856	-	20.921.553.648	-
Công ty Điện lực Nghệ An	1.602.963.967	-	1.602.963.967	-
Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Vũ (i)	31.377.550.159	-	31.377.550.159	-
Các đối tượng khác	3.000.547.770	-	1.939.896.717	-
Cộng	63.334.111.093	-	55.841.964.491	-

(i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ về tiền chia sẻ đường dây 110kV Truong Bành theo Hợp đồng số 22/2016/HĐ-HTĐT giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong, Công ty Cổ phần Za Hưng, Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ và Công ty Cổ phần Prime Quế Phong. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	14.014.158.401	(70.000.000)	13.708.901.304	(1.068.000.000)
Viện thủy điện và năng lượng tái tạo	-	-	998.000.000	(998.000.000)
Công ty CP Xây dựng 18	2.431.645.403	-	2.431.645.403	-
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng HEC	1.732.265.043	-	1.732.265.043	-
Công ty CMEC	1.313.564.168	-	-	-
Các đối tượng khác	8.536.683.787	(70.000.000)	8.546.990.858	(70.000.000)
Cộng	14.014.158.401	(70.000.000)	13.708.901.304	(1.068.000.000)

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	35.940.590.191	-	114.057.530.973	-
Công ty CP Prime Trung Tín (i)	5.048.551.365	-	-	-
Công ty TNHH Thái Việt (i)	18.845.289.800	-	-	-
Thái Phong Nhã (ii)	-	-	88.987.921.600	-
Lê Thái Hưng (ii)	-	-	23.127.609.373	-
Đặng Khánh Quyền (ii)	-	-	1.142.000.000	-
Hồ Ngọc Thạch (ii)	-	-	800.000.000	-
Phan Thị Phương Hoa (iii)	12.046.749.026	-	-	-
Các bên khác	-	-	-	-
Cộng	35.940.590.191	-	114.057.530.973	-

(i) Khoản cho vay theo các hợp đồng vay vốn ký ngày 01/01/2018; Số tiền vay: Theo nhu cầu bên vay và khả năng cho vay của bên cho vay, dư nợ năm 2017 của bên cho vay sẽ được chuyển sang khoản cho vay theo hợp đồng; Thời hạn cho vay: Đến hết ngày 31/12/2018; Lãi suất cho vay: 9%/năm. Hình thức đảm bảo: tín chấp.

(ii) Là các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng vay vốn ký theo từng lần giải ngân, thời hạn cho vay 01 năm, lãi suất cho vay 0%/năm. Hình thức đảm bảo: tín chấp.

(iii) Là các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng vay vốn ký theo từng lần giải ngân, thời hạn cho vay 01 năm, lãi suất cho vay 5%/năm. Hình thức đảm bảo: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	121.958.030.973	-	-	-
Tiền tạm ứng	121.958.030.973	-	-	-
Đặng Khánh Quyên	1.142.000.000	-	-	-
Hồ Ngọc Thạch	1.800.000.000	-	-	-
Lê Thái Hưng	73.127.609.373	-	-	-
Thái Phong Nhã	45.888.421.600	-	-	-
Các bên khác	88.252.289.649	-	83.075.845.596	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	707.102.100	-
Kinh phí công đoàn	-	-	27.775.779	-
Bảo hiểm xã hội	8.963.828	-	1.634.001	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	3.775.222.276	-	2.038.241.904	-
Lãi dự thu tiền cho vay (i)	1.764.383.562	-	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	2.353.985.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiền Phong (ii)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lô (iii)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Các khoản khác	349.734.983	-	301.091.812	-
Cộng	210.210.320.622	-	83.075.845.596	-

(i) Là khoản lãi ước tính theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HĐTĐ/BIDV-TRUNGSON ngày 01/10/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất theo lãi suất 7%/năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định khoản tiền gửi này sẽ không rút trước hạn.

(ii) Khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01.2017/HĐUTĐT ngày 09/05/2017 và Phụ lục gia hạn hợp đồng giữa Công ty CP 471 và Công ty CP Prime Quế Phong:

- Công ty CP 471 ủy thác cho Công ty CP Prime Quế Phong tham gia góp vốn đầu tư vào dự án Nhà máy thủy điện Tiền Phong với phương án góp 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiền Phong với tổng số vốn là 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác đến hết ngày 31/12/2019;
- Đến ngày đáo hạn của khoản ủy thác, Công ty CP Prime Quế Phong có trách nhiệm chuyển nhượng phần vốn góp nói trên cho Công ty CP 471 theo nguyên giá;
- Công ty CP 471 không phải trả phí ủy thác đầu tư và quản lý, chỉ phải trả các khoản thuế phát sinh (nếu có) từ việc ủy thác và chuyển nhượng vốn góp.
- Trong thời gian nhận ủy thác, Công ty CP Prime Quế Phong được quyền làm chủ sở hữu đối với số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Tiền Phong, nhưng không được chuyển nhượng, chuyển giao, cầm cố hoặc thực hiện quyền định đoạt khác đối với số vốn góp và quyền lợi phát sinh từ số vốn góp nêu trên.

(iii) Khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2017/HĐUTĐT ngày 09/05/2017 và Phụ lục

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Công ty CP 471 ủy thác cho Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn tham gia góp vốn đầu tư vào dự án Nhà máy thủy điện Ca Lôi với phương án góp 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi với tổng số vốn góp là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác đến hết ngày 31/12/2019;
- Đến ngày đáo hạn của khoản ủy thác, Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn có trách nhiệm chuyển nhượng phần vốn góp nói trên cho Công ty CP 471 theo nguyên giá;
- Công ty CP 471 không phải trả phí ủy thác đầu tư và quản lý, chỉ phải trả các khoản thuế phát sinh (nếu có) từ việc ủy thác và chuyển nhượng vốn góp.
- Trong thời gian nhận ủy thác, Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn được quyền làm chủ sở hữu đối với số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Ca Lôi, nhưng không được chuyển nhượng, chuyển giao, cầm cố hoặc thực hiện quyền định đoạt khác đối với số vốn góp và quyền lợi phát sinh từ số vốn góp nêu trên.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	2.309.860.418	-	774.542.245	-
Ký quỹ, ký cược	1.430.498.876	-	774.542.245	-
Thuế GTGT sẽ được khấu trừ hoạt động thuế tài chính	879.361.542	-	-	-
Cộng	2.309.860.418	-	774.542.245	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	675.710.857	-	175.827.800	-
Công cụ, dụng cụ	46.320.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.413.181	-	30.413.181	-
Thành phẩm	-	-	1.440.819.179	-
Cộng	752.444.038	-	1.647.060.160	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản	7.993.220.069	1.487.727.727
Dự án Nậm Sầm 1A	6.885.272.796	1.305.909.545
Dự án thủy điện Nậm Sầm 1B	899.431.818	-
Dự án Thông Thụ	208.515.455	181.818.182

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.459.608
Chi phí bảo hiểm cho dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Cắn	93.995.118	280.301.025
Chi phí cải tạo sau lũ 2017	-	992.191.083
Các khoản khác	8.721.750	1.688.331
Cộng	102.716.868	1.275.640.047

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	559.008.213	783.348.384
Chi phí sửa chữa đường giao thông	34.848.485	69.696.970
Chi phí hỗ trợ chính sách đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Châu Thắng	1.835.878.800	1.932.504.000
Chi phí sửa chữa công trình thủy điện Bản Cốc	7.727.975.516	8.391.948.082
Chi phí bảo hiểm máy xây dựng	304.013.052	-
Các khoản khác	2.773.818.986	1.652.803.127
Cộng	13.235.543.052	12.830.300.563

5.9 Lợi thế thương mại

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	56.077.545.874	63.087.239.108
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	63.846.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(7.009.693.234)	(7.073.539.234)
Số dư cuối kỳ	49.067.852.640	56.077.545.874

Chi tiết số dư lợi thế thương mại

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn	49.067.852.640	56.077.545.874
Số dư cuối kỳ	49.067.852.640	56.077.545.874

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Số 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10 Các khoản đầu tư tài chính

10.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá hợp lý VND
Chi phí mua chứng khoán	86.864.181	(9.279.181)	5.586.864.181	(7.804.181)
Chi phí KBC	86.864.181	(9.279.181)	86.864.181	(7.804.181)
Chi phí CT7	-	-	5.500.000.000	-
Tổng	86.864.181	(9.279.181)	5.586.864.181	(7.804.181)

10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2018/HDTG/BIDV-LUNGSON ngày 01/10/2018; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm, lãi suất rút trước hạn: không kỳ hạn tại thời điểm rút, ngày gửi 01/10/2018, ngày đến hạn 01/10/2019. Khoản tiền gửi này được cầm cố để đảm bảo cho các khoản nợ vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất theo Hợp đồng cầm cố số 01/2018/7081393/HDBĐ ngày 01/10/2018.

Phương pháp tính giá chứng khoán kinh doanh

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị đầu tư	7.804.181	389.124.353
Chi phí mua chứng khoán	1.475.000	7.804.181
Chi phí mua chứng khoán khác	-	(389.124.353)
Giá trị cuối năm	9.279.181	7.804.181

PHIẾU YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
YÊN GIÁ						
Giá trị tại 01/01/2018	1.097.523.901.840	412.620.026.134	11.680.419.685	162.090.909	21.610.959.685	1.543.597.398.253
Tăng trong năm	-	103.181.818	467.343.273	-	-	570.525.091
Giảm khác	1.454.545.455	-	-	-	-	1.454.545.455
Giảm do chuyển đổi, nhượng bán	-	-	(200.000.000)	-	-	(200.000.000)
Giá trị tại 31/12/2018	1.098.978.447.295	412.723.207.952	11.947.762.958	162.090.909	21.610.959.685	1.545.422.468.799
TRỊ HAO MÒN						
Giá trị tại 01/01/2018	170.644.170.218	81.015.056.482	2.998.117.107	150.818.181	18.263.414.460	273.071.576.448
Tăng trong năm	59.108.138.589	24.319.645.426	1.796.534.155	11.272.728	2.151.011.916	87.386.602.814
Giảm do chuyển đổi, nhượng bán	-	-	(169.444.444)	-	-	(169.444.444)
Giá trị tại 31/12/2018	229.752.308.807	105.334.701.908	4.625.206.818	162.090.909	20.414.426.376	360.288.734.818
TRỊ CÒN LẠI						
Giá trị tại 01/01/2018	926.879.731.622	331.604.969.652	8.682.302.578	11.272.728	3.347.545.225	1.270.525.821.805
Giá trị tại 31/12/2018	869.226.138.488	307.388.506.044	7.322.556.140	-	1.196.533.309	1.185.133.733.981

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2018 là 1.160.849.892.755 VND, tại 01/01/2018 là 341.093.960 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 1.961.015.446 VND, tại 01/01/2018 là 1.627.577.564 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	-	-
Thuê tài chính trong năm	19.418.181.818	19.418.181.818
Số dư tại 31/12/2018	19.418.181.818	19.418.181.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2018	-	-
Khấu hao trong năm	1.368.426.200	1.368.426.200
Số dư tại 31/12/2018	1.368.426.200	1.368.426.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2018	-	-
Số dư tại 31/12/2018	18.049.755.618	18.049.755.618

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: xem thuyết minh số 5.18, mục (vii).

5.13 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	326.517.321	1.924.000.000	1.627.769.595	3.878.286.916
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	326.517.321	1.924.000.000	1.627.769.595	3.878.286.916
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2018	230.575.983	504.568.303	746.061.065	1.481.205.351
Khấu hao trong năm	30.949.722	320.666.667	271.294.933	622.911.322
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	261.525.705	825.234.970	1.017.355.998	2.104.116.673
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2018	95.941.338	1.419.431.697	881.708.530	2.397.081.565
Số dư tại 31/12/2018	64.991.616	1.098.765.030	610.413.597	1.774.170.243

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2018 là 0 VND, tại 01/01/2018 là 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2018 là 173.000.000 VND, tại 01/01/2018 là 173.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	323.808.000	323.808.000	13.055.104.634	13.055.104.634
Công ty CP Prime Trung Tín	323.808.000	323.808.000	13.055.104.634	13.055.104.634
Các bên khác	44.247.730.533	44.247.730.533	46.080.244.221	46.080.244.221
Công ty TNHH Thiên Xứng	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363	2.059.298.363
Công ty CP Cơ điện và Xây lắp thủy lợi NA	1.169.422.212	1.169.422.212	1.169.422.212	1.169.422.212
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	-	-	-	-
Chi nhánh Xí nghiệp tập thể thương binh đoàn Sao vàng	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500	1.818.196.500
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi Nghệ An	1.418.789.200	1.418.789.200	-	-
Xí nghiệp cơ khí Thủy lợi	1.712.835.528	1.712.835.528	1.712.835.528	1.712.835.528
Phải trả cho các đối tượng khác	36.069.188.730	36.069.188.730	39.320.491.618	39.320.491.618
Cộng	44.571.538.533	44.571.538.533	59.135.348.855	59.135.348.855

5.15 Chi phí phải trả

5.15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay trích trước	3.561.455.999	957.498.139
Lãi trái phiếu	2.608.460.033	-
Lãi thuê tài chính	52.995.966	-
Lãi vay ngân hàng	900.000.000	900.000.000
Lãi vay cá nhân	-	57.498.139
Chi phí trích trước khác	7.509.829.021	7.509.829.021
Cộng	11.071.285.020	8.467.327.160

5.15.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay trích trước	584.457.016	2.616.014.041
Trích trước chi phí cải tạo môi trường mỏ đá Pù Càng	774.542.745	774.542.745

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	646.690.000	46.690.000	-	-
Công ty CP Prime Trung Tín	46.690.000	46.690.000	-	-
Phải trả cổ tức	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Ông Thái Phong Nhã	398.000.000	398.000.000	398.000.000	398.000.000
Ông Lê Thái Hưng	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Bà Thái Thị Ý	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Các bên khác	80.069.443.715	80.069.443.715	88.592.693.115	88.592.693.115
Kinh phí công đoàn	69.443.715	69.443.715	29.150.540	29.150.540
Bảo hiểm xã hội	-	-	2.958.824	2.958.824
Bảo hiểm y tế	-	-	277.351	277.351
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	120.400	120.400
Phải trả về cổ tức	-	-	8.560.186.000	8.560.186.000
Công ty CP 471 (i)	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả khác	63.845.916	63.845.916	109.210.697	109.210.697
Cộng	80.779.979.631	80.779.979.631	89.301.903.812	89.301.903.812

(i) Chi tiết tại 5.5.1 - Phải thu ngắn hạn khác.

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
giá trị gia tăng	-	3.351.244.555	23.445.349.991	24.367.838.272	-	2.428.756.274
thu nhập doanh nghiệp	50.432.751	3.072.517.595	3.007.178.739	3.649.519.148	50.000.000	2.429.744.435
thu nhập cá nhân	2.388.737	1.144.647.109	291.708.152	1.158.464.215	2.604.000	278.106.309
tài nguyên	-	1.996.410.231	16.750.456.495	16.903.889.658	-	1.842.977.068
nhà đất và tiền thuê đất	-	-	92.813.283	92.813.283	-	-
đại thuế khác	1.000.000	-	16.000.000	17.000.000	2.000.000	-
phí và các khoản khác	-	3.822.173.372	3.934.582.498	7.222.228.030	-	534.527.840
	53.821.488	13.386.992.862	47.538.089.158	53.411.752.606	54.604.000	7.514.111.926

QUYẾT ĐỊNH BAO CAO TẠI CHỖ HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vay và nợ thuế tài chính

1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND
ngắn hạn	76.478.436.569	76.478.436.569	143.092.052.571	84.859.808.539	18.246.192.537	18.246.192.537
liên quan	4.171.910.259	4.171.910.259	2.689.675.129	11.263.957.407	12.746.192.537	12.746.192.537
ty CP Prime Trung Tín (i)	2.179.855.546	2.179.855.546	2.689.675.129	11.263.957.407	10.754.137.824	10.754.137.824
Thái Phong Nhà (ii)	1.992.054.713	1.992.054.713	-	-	1.992.054.713	1.992.054.713
bên khác	72.306.526.310	72.306.526.310	140.402.377.442	73.595.851.132	5.500.000.000	5.500.000.000
hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nam - Chi nhánh Thạch Thất (iii)	72.306.526.310	72.306.526.310	140.402.377.442	68.095.851.132	-	-
ty Cổ phần 471	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
đài hạn đến hạn trả	90.591.600.000	90.591.600.000	92.664.600.000	88.248.600.000	86.175.600.000	86.175.600.000
liên quan	-	-	-	-	-	-
bên khác	90.591.600.000	90.591.600.000	92.664.600.000	88.248.600.000	86.175.600.000	86.175.600.000
hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển Nghệ An	66.660.000.000	66.660.000.000	66.660.000.000	65.244.000.000	65.244.000.000	65.244.000.000
hàng TMCP Phương Đông - CN An (v)	18.531.600.000	18.531.600.000	18.531.600.000	18.531.600.000	18.531.600.000	18.531.600.000
hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nam - CN Phù Quý (vi)	2.600.000.000	2.600.000.000	4.673.000.000	4.473.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
ấn Thị Thu Hương	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	-
thuế tài chính đến hạn trả	3.453.255.564	3.453.255.564	3.453.255.564	-	-	-
liên quan	-	-	-	-	-	-
bên khác	3.453.255.564	3.453.255.564	3.453.255.564	-	-	-
ty TNHH MTV cho thuê tài chính hàng TMCP Ngoại thương Việt (vii)	3.453.255.564	3.453.255.564	3.453.255.564	-	-	-
Tổng cộng	170.523.292.133	170.523.292.133	239.209.908.135	173.108.408.539	104.421.792.537	104.421.792.537

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tài hạn	346.482.262.993	346.482.262.993	-	94.080.600.000	440.562.862.993	440.101.974.632
Bên khác	346.482.262.993	346.482.262.993	-	94.080.600.000	440.562.862.993	440.101.974.632
hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển Nghệ An	311.037.296.867	311.037.296.867	-	68.076.000.000	379.113.296.867	379.113.296.867
hàng TMCP Phương Đông - CN An (v)	27.813.535.015	27.813.535.015	-	18.531.600.000	46.345.135.015	46.345.135.015
hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Lâm - CN Phú Quý (vi)	7.170.542.750	7.170.542.750	-	4.673.000.000	11.843.542.750	11.843.542.750
ần Thị Thu Hương rộng khác	460.888.361	460.888.361	-	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Thuế tài chính	9.672.911.101	9.672.911.101	13.813.022.222	4.140.111.121	-	-
Bên khác	9.672.911.101	9.672.911.101	13.813.022.222	4.140.111.121	-	-
ty TNHH MTV cho thuê tài chính hàng TMCP Ngoại thương Việt (vii)	9.672.911.101	9.672.911.101	13.813.022.222	4.140.111.121	-	-
Chiều thường	98.962.264.151	98.962.264.151	98.900.000.000	(62.264.151)	-	-
Liên quan	-	-	-	-	-	-
Bên khác (viii)	98.962.264.151	98.962.264.151	98.900.000.000	(62.264.151)	-	-
gia	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
ty Liên Doanh Quản lý Quỹ đầu ứng khoán Vietcombank	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	-
ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ LIFE Việt Nam	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-	-
hí phát hành	(1.037.735.849)	(1.037.735.849)	(1.100.000.000)	(62.264.151)	-	-
	455.117.438.245	455.117.438.245	112.713.022.222	98.158.446.970	440.562.862.993	440.101.974.632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình thanh toán các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm 2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	941.393.461	254.537.904	686.855.557
Cộng	941.393.461	254.537.904	686.855.557

(i) Khoản vay theo các hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2018; Số tiền vay theo nhu cầu bên vay và khả năng cho vay của bên cho vay, dư nợ năm 2017 của bên vay sẽ được chuyển sang khoản vay theo hợp đồng này; thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2018; Lãi suất cho vay: 7%/năm; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

(ii) Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn của các cá nhân, lãi suất cho vay 0%/năm.

(iii) Hợp đồng thấu chi số 01/2018/7081393/HĐTC ngày 04/10/2018:

- Hạn mức thấu chi: 93.450.000.000 VND;
- Thời hạn thấu chi: từ ngày ký hợp đồng thấu chi đến hết ngày 01/10/2019;
- Mục đích thấu chi: Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời của bên vay do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ;
- Lãi suất thấu chi: 7%/năm;
- Biện pháp bảo đảm: cầm cố chứng từ có giá là Hợp đồng tiền gửi theo số 01/2018/HĐTG/BIDV-TRUNGSON tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất, với mệnh giá 100.000.000.000 VND (Hợp đồng cầm cố số 01/2018/7081393/HĐBĐ ngày 01/10/2018).

(iv) Khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng phát triển Nghệ An:

Hợp đồng tín dụng đầu tư số 35/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 13 tháng 8 năm 2015:

- Hạn mức cho vay: 260 tỷ VND;
- Thời hạn cho vay tối đa: 10,5 năm (126 tháng) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời điểm trả nợ gốc cuối cùng của dự án; Thời gian ân hạn: 1,5 năm (18 tháng) kể từ thời điểm ký HĐTD nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của Dự án;
- Lãi suất cho vay: Là lãi suất của ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể tại Bảng kê rút vốn vay và Khế ước nhận nợ vay; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,55%/năm;
- Thời hạn thanh toán nợ gốc: 09 năm (108 tháng) kể từ thời điểm kết thúc thời hạn ân hạn; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 02/2017; Mức trả nợ gốc mỗi kỳ: 2.525.000.000 VND/tháng, tháng cuối cùng trả hết dư nợ còn lại;
- Thời hạn thanh toán lãi vay: Bên đi vay trả lãi kể từ khi phát sinh dự nợ và trả theo hàng tháng, tiền lãi được tính tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày vay thực tế (x) nhân với lãi suất năm chia (:) cho 360 (ngày);
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây dựng thiết bị, theo QĐ phê duyệt điều chỉnh số 18.6/HĐQT-QĐ15 ngày 18/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Prime Qué Phong, tỉnh Nghệ An;
- Các tài sản thế chấp: Là tài sản hình thành từ vốn vay - Dự án thủy điện Châu Thắng.

Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 36/2014/HĐCVLVNN-NHPT-NAN ngày 26/11/2014 và các Phụ lục kèm theo:

- Vốn vay JICA: 300 tỷ VND;
- Lãi suất áp dụng: Lãi suất theo từng lần giải ngân;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Mục đích sử dụng tiền vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục xây dựng, thiết bị của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án số 20/QĐ-ENC-12 ngày 28/6/2012 và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư điều chỉnh số 49/2012/ENC ngày 04/9/2012 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện sông Nậm Cắn;
- Biện pháp bảo đảm:
 - + Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Nậm Cắn 2 và thế chấp, cầm cố tài sản khác tối thiểu 10% tổng số vốn vay thuộc sở hữu của các cổ đông sáng lập Công ty CP Thủy điện Sông Nậm Cắn;
 - + Các thỏa thuận cụ thể về bảo đảm tiền vay được quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 39/2013/HĐTCTS-NHPT ngày 28/8/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 37/2014/HĐSĐBSSHĐTC - NHPT -NAN ngày 26/11/2014, Hợp đồng cầm cố tài sản số 40/2013/HĐCC - NHPTVN; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố tài sản số 38/2014/HĐSĐBSSHĐCC - NHPTVN ngày 26/11/2014.

(v) Hợp đồng tín dụng số 0173/2016/HĐTD-DN ngày 27/05/2016:

- Số tiền vay tối đa 100.000.000.000 VND;
- Số tiền đã giải ngân: 92.300.535.015 VND;
- Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên - ngày 31/05/2016;
- Lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần;
- Mục đích vay: thanh toán cho nhà thầu, bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy Thủy điện Bản Cốc;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp toàn bộ bất động sản và máy móc thiết bị của Nhà máy thủy điện Bản Cốc tại xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An;

(vi) Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 02/5931065/HĐ ngày 29/11/2013:

- Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Sao Va có trách nhiệm nhận lại số tiền gốc mà công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ để thi công dự án nhà máy thủy điện Soa Va với số tiền nhận nợ là 3;
- 35.134.390.508 VND, trong đó nợ gốc là 26.252.209.741 VND và lãi là 8.882.180.767 VND;
- Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- Thời hạn vay: Đến ngày 14/12/2023;
- Mục đích nhận nợ: Nhận lại toàn bộ dư nợ gốc và lãi của Bên vay để tiếp tục khai thác vận hành nhà máy thủy điện Sao Va sau khi nhận chuyển giao nhà máy thủy điện Sao Va từ Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp, cầm cố tài sản và tài sản được hình thành bằng vốn vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.

(vii) Thông tin các khoản nợ thuê tài chính:

Hợp đồng thuê tài chính số 115.18.02/CTTC ngày 31/07/2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

- Tài sản thuê: 05 máy đào bánh xích hiệu Komatsu
- Tổng giá trị tài sản (đã bao gồm VAT): 14.360.000.000 VND
- Tiền cho thuê: 9.578.022.222 VND
- Số tiền trả trước: 4.781.977.778 VND
- Thời hạn thuê: 48 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lãi suất cho thuê: lãi suất tiết kiệm 12 tháng đối với cá nhân tại thời điểm giải ngân cộng với biên độ 3,5%/năm
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 8.979.395.797 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.394.505.555 VND
- Khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, bên thuê được lựa chọn mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 14.360.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 115.18.02/CTTC ngày 31/07/2018 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

- Tài sản thuê: 02 máy đào bánh xích hiệu Komatsu
- Tổng giá trị tài sản (đã bao gồm VAT): 7.000.000.000 VND
- Tiền cho thuê: 4.235.000.000 VND
- Số tiền trả trước: 2.765.000.000 VND
- Thời hạn thuê: 48 tháng
- Chu kỳ thanh toán nợ gốc, nợ lãi: 01 tháng
- Lãi suất cho thuê: lãi suất tiết kiệm 12 tháng đối với cá nhân tại thời điểm giải ngân cộng với biên độ 3,5%/năm
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 4.146.770.868 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.058.750.009 VND
- Khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, bên thuê được lựa chọn mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 7.000.000 VND.

(viii) Thông tin chi tiết Trái phiếu thường của Công ty phát hành:

Bên mua trái phiếu: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (Đại diện và quản lý AM20)

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam (Đại diện bởi Công ty TNHH quản lý quỹ SSI)

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sunlife Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam (đại diện bởi Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank)

Mục đích phát hành: mua 47% cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (mã cổ phiếu SVH, sàn giao dịch Upcom)

Thời điểm phát hành: 27/09/2018

Kỳ hạn gốc: 36 tháng

Kỳ hạn còn lại: 32 tháng

Số lượng trái phiếu: 100.000 trái phiếu

Mệnh giá: 1.000.000 VND

Lãi suất: 10,0%/năm

Thời hạn thanh toán: Trả gốc một lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn

Tài sản đảm bảo: Cầm cố 13.937.000 cổ phiếu QPH của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong với tổng giá trị theo mệnh giá 139.370.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố cổ phần số 01/2018.BĐ ngày 25/09/2018 giữa Công ty và các chủ sở hữu trái phiếu

Chi phí phát hành: 1.100.000.000 VND.

5-1-T-H-D-1-A-1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN
 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
BIÊN BẢN BỐ CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vốn chủ sở hữu
 đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
ở đầu kỳ	370.000.000.000	1.180.216.879	12.705.995.076	112.919.075	118.199.588.562	502.198.719.592	
đổi trong năm trước	270.247.217.000	-	-	-	42.887.790.000	313.135.007.000	
đổi trong năm trước khác	-	-	41.190.925.169	-	14.705.046.848	55.895.972.017	
đổi từ cổ tức lập quỹ khác	-	-	26.273.021.374	280.794.416	47.509.990.937	74.063.806.727	
đổi từ lập quỹ khác	-	16.104.891.131	(17.715.380.244)	-	(8.560.186.000)	(8.560.186.000)	
đổi khác	-	-	(11.916.786.032)	-	(481.929.652)	(2.092.418.765)	
đổi khác	-	-	(11.916.786.032)	-	(1.598.775.464)	(13.515.561.496)	
ở cuối kỳ	640.247.217.000	17.285.108.010	50.537.775.343	393.713.491	212.661.525.231	921.125.339.075	
ở đầu kỳ	640.247.217.000	17.285.108.010	50.537.775.343	393.713.491	212.661.525.231	921.125.339.075	
đổi trong năm nay	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	
đổi trong kỳ	-	-	38.307.961.445	-	21.505.465.676	59.813.427.121	
đổi từ cổ tức lập quỹ	-	-	-	-	(8.560.186.000)	(8.560.186.000)	
đổi từ lập quỹ	-	-	(1.263.206.229)	-	(378.007.236)	(1.641.213.465)	
đổi từ lập quỹ	-	1.790.307.234	(15.352.313.067)	43.767.332	(33.605.090.623)	(47.123.329.124)	
đổi khác	-	-	-	-	-	-	
ở cuối kỳ	640.747.217.000	19.075.415.244	72.230.217.492	437.480.823	191.623.707.048	924.114.037.607	

lập bởi Ban Giám đốc Công ty mẹ mua lại
 từ Công ty con của Công ty CP
 điện Quế Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Thái Phong Nhã	490.000.000.000	76,47%	490.000.000.000	76,53%
Bà Thái Thị Ý	70.000.000.000	12,54%	70.000.000.000	10,93%
Ông Thái Sơn	80.747.217.000	12,60%	80.247.217.000	12,53%
Cộng	640.747.217.000	102%	640.247.217.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	640.247.217.000	370.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	500.000.000	270.247.217.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	640.747.217.000	640.247.217.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.074.722	64.024.722
Cổ phiếu phổ thông	64.074.722	64.024.722
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.074.722	64.024.722
Cổ phiếu phổ thông	64.074.722	64.024.722
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

MINI N A H C I B N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	2.366.599.472	752.291.822
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	399.324.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.441.376.831	105.378.865
Doanh thu hoạt động sản xuất điện	264.982.705.340	191.646.752.052
Cộng	270.790.681.643	192.903.747.684

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng	2.029.259.933	1.332.735.680
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	2.126.196.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.522.756.053	-
Giá vốn hoạt động sản xuất điện	132.228.818.526	88.392.451.843
Cộng	136.780.834.512	91.851.384.495

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.364.361.768	1.642.949.745
Lãi bán các khoản đầu tư	-	767.286.787
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	490.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	134.057.840
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.126.168.020
Cộng	2.364.361.768	16.160.462.392

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	49.577.353.379	41.897.408.780
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	655.320.381
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.475.000	(381.320.172)
Chi phí tài chính khác	315.065.292	78.215.772
Cộng	49.894.725.462	42.249.624.761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.320.069.797	6.555.551.964
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.442.961.203	767.960.917
Phân bổ lợi thế thương mại	7.009.693.234	7.073.539.234
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.749.275.988	6.205.714.971
Cộng	<u>22.522.000.222</u>	<u>20.602.767.086</u>

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án thủy điện Tiền Phong	-	2.400.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án thủy điện Ca Lôi	-	6.000.000.000
Thu nhập từ bán quyền giảm phát thải	5.321.654.831	-
Các khoản khác	472.916.338	177.007.534
Cộng	<u>5.794.571.169</u>	<u>8.577.007.534</u>

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản bị phạt	418.689.832	300.336.335
Chi phí chuyển nhượng Dự án thủy điện Tiền Phong	-	2.292.329.922
Chi phí chuyển nhượng Dự án thủy điện Ca Lôi	-	4.624.304.299
Chi phí giải phóng mặt bằng Cửa Lò không được cấp phép	-	1.742.768.981
Chi phí tư vấn bán quyền giảm phát thải	1.612.070.278	-
Chi phí khấu hao từ quyền khai thác mỏ đá	2.530.810.095	-
Các khoản khác	1.739.454.179	1.102.860.759
Cộng	<u>6.301.024.384</u>	<u>10.062.600.296</u>

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty mẹ	-	-
Công ty CP Prime Quế Phong	2.055.167	75.534.016
Công ty CP Phát triển điện lực viễn thông Miền Trung	47.607.295	41.041.545
Công ty CP Thủy điện sông Nậm Cắn	-	275.139.140
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	3.599.856.686	4.046.997.919
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.649.519.148</u>	<u>4.438.712.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	38.307.961.445	41.190.925.169
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	38.307.961.445	41.190.925.169
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	64.048.722	53.468.840
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	598	770
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	598	770

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro khác về giá, chẳng hạn rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn chênh lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời gian thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	170.523.292.133	455.117.438.245	-	625.640.730.378
Phải trả người bán	44.571.538.533	-	-	44.571.538.533
Phải trả khác và Chi phí phải trả	91.781.820.936	1.358.999.761	-	93.140.820.697
Cộng	306.876.651.602	456.476.438.006	-	763.353.089.608
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	104.421.792.537	440.562.862.993	-	544.984.655.530
Phải trả người bán	59.135.348.855	-	-	59.135.348.855
Phải trả khác và Chi phí phải trả	97.736.723.857	3.390.556.786	-	101.127.280.643
Cộng	261.293.865.249	443.953.419.779	-	705.247.285.028

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	77.585.000	5.579.060.000	77.585.000	5.579.060.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>63.334.111.093</i>	<i>68.482.865.795</i>	<i>63.334.111.093</i>	<i>68.482.865.795</i>
<i>Phải thu về cho vay</i>	<i>35.940.590.191</i>	<i>114.057.530.973</i>	<i>35.940.590.191</i>	<i>114.057.530.973</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>86.777.963.963</i>	<i>81.786.004.159</i>	<i>86.777.963.963</i>	<i>81.786.004.159</i>
Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>6.817.250.872</i>	<i>22.268.149.334</i>	<i>6.817.250.872</i>	<i>22.268.149.334</i>
Tổng cộng	292.947.501.119	292.173.610.261	292.947.501.119	292.173.610.261
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	625.640.730.378	544.984.655.530	625.640.730.378	544.984.655.530
Phải trả người bán	44.571.538.533	59.135.348.855	44.571.538.533	59.135.348.855
Phải trả khác và Chi phí phải trả	93.140.820.697	101.127.280.643	93.140.820.697	101.127.280.643
Tổng cộng	763.353.089.608	705.247.285.028	763.353.089.608	705.247.285.028

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch, số dư với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Prime Trung Tín Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	Ông Đặng Khánh Quyền làm Giám đốc Ông Lê Thái Hưng làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 05/10/2018
Công ty TNHH Thái Việt Ông Hồ Ngọc Thạch Bà Phan Thị Phương Hoa Bà Thái Thị Ý	Ông Thái Phong Nhã làm Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty CP Thủy điện Sông Nại vợ Ông Thái Phong Nhã em gái Ông Thái Phong Nhã

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

Tiền lương và các khoản phụ cấp

Năm 2018

VND

2.121.896.923

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2018 VND
Ông Thái Phong Nhã	
Chi tiền tạm ứng	45.888.421.600
Thu tiền cho vay	54.291.421.600
Ông Lê Thái Hưng	
Chi tiền tạm ứng	73.127.609.373
Thu tiền cho vay	23.127.609.373
Ông Đặng Khánh Quyền	
Chi tiền tạm ứng	1.142.000.000
Thu tiền cho vay	1.142.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	
Bà Phan Thị Phương Hoa	
Chi tiền cho vay	12.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	56.140.653

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt đã nêu ở các Thuyết minh số 5.4, 5.5 và 5.18.

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm 2018 VND
Công ty CP Prime Trung Tín	
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật	333.740.468
Doanh thu cho thuê máy móc	2.625.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	2.467.302.785
Thu tiền cung cấp dịch vụ	36.817.855
Thu tiền bán hàng hóa	171.210.983
Chi phí thuê văn phòng	75.000.000
Thanh toán tiền thuê văn phòng	82.500.000
Chi phí thuê máy móc thiết bị	185.400.000
Thanh toán tiền máy móc thiết bị	300.000.000
Chi phí thuê thi công nạo vét	376.280.000
Thanh toán tiền thuê thi công xây dựng	9.684.081.208
Thu tiền đi vay	2.223.182.145
Trả tiền vay	6.896.784.032
Lãi vay phải trả nhập gốc	152.073.938
Chi tiền cho vay	6.213.215.968
Thu tiền cho vay	1.200.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	85.335.397
Các khoản phải trả khác	46.690.000
Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	136.363.636
Công ty TNHH Thái Việt	
Chi tiền cho vay	18.520.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	325.289.800
Ông Hồ Ngọc Thạch	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC TRUNG SƠN

Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Sổ dư với các bên liên quan

Sổ dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.4, 5.5, 5.14, 5.16, 5.18.

8.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Mai Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Lan
Người lập biểu